

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2021/QĐST-DS

Đắk Hà, ngày 15 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hưng.

2. Bà Phạm Thị Giang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ng, huyện H, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Chị Trương Thị Mỹ L (Trương Mỹ L), sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Đắk Bình, xã Ng, huyện H, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** Chị Trương Thị Mỹ L (Trương Mỹ L) phải trả cho ông Phạm Ngọc M số tiền là 83.200.000 đồng (*Tám mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng*) tương ứng với số lượng 2.600kg (*Hai nghìn sáu trăm ki lô gam*) cà phê nhân xô mà ông Phạm Ngọc M đã ký gửi chị Trương Thị Mỹ L với giá 32.000.000 đồng/một kg (*Ba mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày quyết định này được ban hành, ông Phạm Ngọc M (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Trương Thị Mỹ L (bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả, tính được là: 4.160.000 đồng (*Bốn triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Ông Phạm Ngọc M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.080.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng*), nhưng do ông Phạm Ngọc M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Chị Trương Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.080.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng*), ông Phạm Ngọc M thỏa thuận nhận chịu số tiền này. Cho nên ông Phạm Ngọc M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.080.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng*). Ông Phạm Ngọc M thuộc trường hợp khởi kiện không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không xem xét về tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại ĐN;
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đoàn Thị Kim Anh

